

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 07/02/2018
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B .**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao và ông Nguyễn Xuân Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng – Thư ký Toà án nhân dân huyện B .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B : Ông Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2018. Tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2017/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2017, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX – ST ngày 08/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Thanh T, sinh năm 1957; Trú tại: Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Hoàng Thanh T kết hôn với nhau vào ngày 30/11/1982 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân do ông T tự ý bán tài sản của vợ chồng lấy tiền làm nhà riêng để sống, không sống chung với bà và nhiều lần ông T còn bạo hành và đá nh đạp bà, xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể kéo dài , mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị H trình bày bổ sung sau khi ly hôn có khó khăn về chỗ ở do chưa chuẩn bị kịp thời về nhà cửa nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được lưu cư 01 thời gian .

Về con chung : Vợ chồng có 05 con chung, gồm: Hoàng Trọng T , sinh năm 1984; Hoàng Thị H , sinh năm 1986; Hoàng Ngọc M , sinh năm 1988; Hoàng Thị S, sinh năm 1990 và Hoàng Thị D , sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về tài sản chung : Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn phân chia các loại tài sản chung của vợ chồng , bị đơn cũng thống nhất số lượng tài sản mà nguyên đơn kê khai, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và tiến hành định giá kết quả như sau:

- Một ngôi nhà cấp 4 tại Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích $100,53m^2$, trị giá 155.137.890đ.

- 01 máy xát gạo trị giá 4.000.000đ.

- 01 xe máy Honda Wave alpha mua vào khoảng năm 2007 mang tên Hoàng Thị Hạnh trị giá 4.000.000đ.

- 02 cái giường trị giá 500.000đ (mỗi cái 250.000đ).

- 02 cái tủ trị giá 1.000.000đ (mỗi cái 500.000đ).

- Diện tích đất $1.218m^2$, tứ cận cụ thể : Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với chiều dài cạnh ngang 30,3m; Phía Bắc tiếp giáp đường giao thông quy hoạch 3m với chiều dài cạnh dọc 40,9m; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với chiều dài cạnh ngang 29,2m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích hộ ông T với chiều dài cạnh dọc 40,1m. Trong đó đất ở tại nông thôn $200m^2$, trị giá 21.600.000đ; đất HNK $1.018m^2$ tại Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình trị giá 33.594.000đ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng, công 55.194.000đ.

Đồng thời yêu cầu được chia diện tích đất Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với chiều dài cạnh ngang 11 m; Phía Bắc tiếp giáp đường giao thông quy hoạch 3m với chiều dài cạnh dọc 40,9m; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với chiều dài cạnh ngang 11m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích đất giao cho ông T (trong diện tích đất được chia phải có từ $80m^2$ đến $100m^2$ đất ở còn lại là đất trồng cây hàng năm khác) và giao toàn bộ số tài sản đã được kê khai, định giá còn lại cho ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu và sử dụng, bà Hạnh không yêu cầu ông T giao tiền chênh lệch tài sản .

Phía bị đơn trình bày : Quá trình tìm hiểu kết hôn , thời gian chung sống như bà Hạnh đã trình bày . Tuy nhiên ban đầu ông T không đồng ý ly hôn , lý do con cái đã lớn vợ chồng cần làm gương cho con cháu, nhưng hiện nay bà H kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T thống nhất như bà H đã trình bày.

Về tài sản chung : Ông Hoàng Thanh T thống nhất số lượng tài sản đã được kê khai và định giá , nhưng quan điểm về phân chia tài sản không đồng nhất, có lúc ông T đồng ý chia cho bà H $\frac{1}{2}$ diện tích đất về hướng Bắc (trong đó có $50m^2$ đất ở còn lại là diện tích trồng cây hàng năm khác) tài sản còn lại ông dành cho các con, có lúc thì yêu cầu được chia diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau : Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với kích thước cạnh ngang 07m; Phía Bắc tiếp giáp với diện tích đất và các công trình nhà cửa xây dựng trên đất được giao cho bà H ; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với kích thước cạnh ngang 07m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích đất của ông T dài

41,1m. Trong phần diện tích đất này có các hạng mục công trình như nhà tắm , máy xay, giếng nước và có hai mái che của ngôi nhà cấp 4; cụ thể mái lợp bằng tôn xà gồ với kích thước chiều dài cạnh ngang 5,3m và chiều dài cạnh dọc 5,5m; mái lợp bằng proximăng với kích thước chiều dài cạnh ngang 3,08m và chiều dài cạnh dọc 4,4m, dưới mái che có một giếng nước và các công trình này các đương sự không đề cập và không yêu cầu Tòa án giải quyết (Có sơ đồ kèm theo). Đồng thời yêu cầu bà H giao tiền chênh lệch tài sản cho ông .

Tại phiên tòa đại diện Viện sát phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử tại phiên Tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện các bước đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ như cung cấp chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ , nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời đại diện viện kiểm sát phát biểu kết luận vụ án và hướng đề xuất giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện B quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Hoàng Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo các bên đương sự trình bày cuộc sống hạnh phúc đến năm 2013, sau đó vì nhiều lý do khác nhau mà phát sinh mâu thuẫn như đã trình bày ở trên, đặc biệt theo bà H năm 2013 bà Hạnh đã làm đơn xin ly hôn ông T nhưng sau đó đã trở về đoàn tụ chung sống với nhau , khắc phục những mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình , nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn , hai bên lại phát sinh mâu thuẫn , bà H lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn ông T , chứng tỏ giữa hai người không còn tình cảm, mâu thuẫn đã đến mức không thể dung hoà được, đồng thời quá trình làm việc với Tòa án ông T cũng đồng ý việc ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa các bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ cần xử cho bà H được ly hôn ông T là có căn cứ. Về yêu cầu của bà H xin được lưu cư một thời gian vì lý do như đã nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con cái:

Bà H và ông T thừa nhận vợ chồng có 05 con chung, nhưng hiện nay các con đã trưởng thành, nên không đặt vấn đề về giải quyết nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tổng số tài sản yêu cầu phân chia gồm:

- Một ngôi nhà cấp 4 tại Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 100,53m², trị giá 155.137.890đ.
- 01 máy xát gạo trị giá 4.000.000đ.
- 01 xe máy Honda Wave alpha mua vào khoảng năm 2007 mang tên Hoàng Thị Hạnh trị giá 4.000.000đ.
- 02 cái giường trị giá 500.000đ (mỗi cái 250.000đ).
- 02 cái tủ trị giá 1.000.000đ (mỗi cái 500.000đ).
- Diện tích đất 1.218m², tứ cận cụ thể: Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với chiều dài cạnh ngang 30,3m; Phía Bắc tiếp giáp đường giao thông 3m với chiều dài cạnh dọc 40,9m; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với chiều dài cạnh ngang 29,2m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích hộ ông T với chiều dài cạnh dọc 40,1m. Trong đó đất ở tại nông thôn 200m², trị giá 21.600.000đ; đất HNK 1.018m² tại Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình trị giá 33.594.000đ đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng, cộng 55.194.000đ.

Về nguyên tắc thì căn cứ để phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là dựa vào yêu cầu của các bên đương sự trên cơ sở công sức đóng góp của các bên. Quá trình làm việc với Tòa án bà H đã được giải thích về vấn đề này và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiếp tục giải thích về quyền lợi về tài sản của các bên. Tuy nhiên bà H chỉ yêu cầu được chia diện tích đất Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với chiều dài cạnh ngang 11m; Phía Bắc tiếp giáp đường giao thông quy hoạch 3m với chiều dài cạnh dọc 40,9m; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với chiều dài cạnh ngang 11m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích đất giao cho ông T (trong diện tích đất được chia phải có từ 80m² đến 100m² đất ở còn lại là đất trồng cây hàng năm khác) và giao toàn bộ số tài sản đã được thống kê, định giá còn lại cho ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu và sử dụng, bà H không yêu cầu ông T giao tiền chênh lệch tài sản. Như vậy Hội đồng xét xử tôn trọng nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự để chấp nhận yêu cầu của bà H là phù hợp, tuy nhiên hiện nay nhà làm trên đất đã chiếm hết 100,53m², như vậy diện tích đất ở còn lại 99,47m² sẽ được giao cho bà H. Riêng ý kiến ông T thống nhất số lượng tài sản đã được kê khai và định giá, nhưng quan điểm về phân chia tài sản không đồng nhất, có lúc ông T đồng ý chia cho bà H ½ diện tích đất về hướng B (trong đó có 50m² đất ở còn lại là diện tích trồng cây hàng năm khác) tài sản còn lại ông dành cho các con, có lúc thì yêu cầu được chia diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau: Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với kích thước cạnh ngang 07m; Phía Bắc tiếp giáp với diện tích đất và các công trình nhà cửa xây dựng trên đất được giao cho bà H; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với kích thước cạnh ngang 07m; Phía N tiếp giáp phần diện tích đất của ông T dài 41,1m. Đồng thời yêu cầu bà H giao tiền chênh lệch tài sản cho ông. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về ý kiến thứ 1: Tài sản là của chung vợ chồng , các con đã trưởng thành và không có liên quan, nên yêu cầu ngoài phần đất được chia cho bà H , phần tài sản còn lại dành cho các con là không có căn cứ, do đó khi tài sản chung được phân chia thì phần của ông T cho ai là quyền của ông T.

Về ý kiến thứ 2: Ông T yêu cầu được chia diện tích đất có tứ cận và kích thước như sau : Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với kích thước cạnh ngang 07m; Phía Bắc tiếp giáp với diện tích đất và các công trình nhà cửa xây dựng trên đất được giao cho bà H ; Phía Tây tiếp giáp ruộng , đồng cỏ với kích thước cạnh ngang 07m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích đất của ông T dài 41,1m. Qua xem xét thẩm định thấy rằng : Trong phần diện tích đất này có các hạng mục công trình như nhà tắm, máy xay, giếng nước và có hai mái che của ngôi nhà cấp 4 như đã nêu trên , dưới mái che có một giếng nước, nhưng các công trình này các đương sự không đề cập và không yêu cầu Tòa án giải quyết . Như vậy nếu chia diện tích đất này cho ông T thì sẽ làm ảnh hưởng đến các công trình hiện có như đã nêu trên là không cần thiết và sẽ làm thiệt hại đến tài sản, hơn nữa ông T còn yêu cầu bà H giao tiền chênh lệch tài sản cho ông là gây khó khăn cho bà H, trong khi bà H đã tự nguyện lấy phần tài sản ít hơn và không yêu cầu ông T giao tiền chênh lệch tài sản cho bà là bà đã có phần thiệt thòi , nhưng đây là quyền tự định đoạt hoàn toàn tự nguyện của bà H cần tôn trọng . Do đó không thể chấp nhận các yêu cầu này của ông T mà cần chấp nhận yêu cầu của bà H để chia phần diện tích đất cho bà H như đã phân tích ở trên là có căn cứ, phần tài sản còn lại (nhà, đất, xe máy...) sẽ giao cho ông T có quyền ử hữu và sử dụng là phù hợp.

[3] Về án phí vụ kiện: Bà H phải chịu án phí ly hôn ; Các đương sự phải chịu án phí trên phần tài sản của mình được hưởng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 146 và 246 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 62 và Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 192, 193, 194, 213, 218, 219 và 235 Bộ luật Dân sự năm 2015 .

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị H được ly hôn ông Hoàng Thanh T. Bà Hoàng Thị H được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung:

+ Giao cho bà Hoàng Thị H được quyền sở hữu và sử dụng số tài sản sau:

Diện tích đất 449,9m², cụ thể: Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với chiều dài cạnh ngang 11 m; Phía Bắc tiếp giáp đường giao thông quy hoạch 3m với chiều dài cạnh dọc 40,9m; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với chiều dài cạnh ngang 11m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích đất giao cho ông T (trong đó có 99,47m² đất ở trị giá 10.742.760đ còn lại 350,43m² là đất trồng cây hàng năm khác trị giá 11.564.190đ), cộng trị giá: 22.306.950đ.

+ Giao cho ông Hoàng Thanh T được quyền sở hữu và sử dụng số tài sản sau:

- Một ngôi nhà cấp 4 tại Thôn D, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 100,53m², trị giá 155.137.890đ.

- 01 máy xát gạo trị giá 4.000.000đ.

- 01 xe máy Honda Wave alpha mua vào khoảng năm 2007 mang tên Hoàng Thị H trị giá 4.000.000đ kèm theo giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Thị H (Loại xe Honda, số khung 393966, số máy 5493251, BKS 73N5 – 8553). Giấy đăng ký mô tô, xe máy này sẽ được Tòa án chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

- 02 cái giường trị giá 500.000đ (mỗi cái 250.000đ).

- 02 cái tủ trị giá 1.000.000đ (mỗi cái 500.000đ).

- Diện tích đất 768,1m², cụ thể: Phía Đông tiếp giáp đường giao thông 8m với chiều dài cạnh ngang 19,3 m; Phía Bắc tiếp giáp phần diện tích đất giao cho bà H; Phía Tây tiếp giáp ruộng, đồng cỏ với chiều dài cạnh ngang 18,2m; Phía Nam tiếp giáp phần diện tích đất của ông T dài 41,1m (trong đó có 100,53m² đất ở trị giá 10.857.240đ còn lại 667,57m² là đất trồng cây hàng năm khác trị giá 22.029.810đ), cộng trị giá 32.887.050đ.

Tổng cộng trị giá tài sản ông Hoàng Thanh T được hưởng là: 197.524.940đ. Ông Hoàng Thanh T không phải giao tiền chênh lệch tài sản cho bà Hoàng Thị H.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Các điểm a, b Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình và 1.115.348đ án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0002544 ngày 19/7/2017 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0002570 ngày 02/8/2017, bà H được nhận lại 984.652đ; Ông Hoàng Thanh T phải chịu 9.876.247đ án phí chia tài sản.

Án xử công khai sơ thẩm, báo chonguyên đơn có có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./

Nơi nhận:

- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã V;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phú Quảng

